

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN L  
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:61/2019/HNGĐ-ST  
Ngày 17-9-2019  
V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH YÊN BÁI

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Duy Đô

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1- Bà Triệu Thị Thủy Hoàn;
- 2- Bà Bùi Bích Thủy.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đỗ Quỳnh, Thư ký Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: Bà Mạc Minh Song- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Yên Bái, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 214/2019/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 7 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2019/QĐXX-ST ngày 19 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Hoàng Thị C 23 tuổi

Địa chỉ: Thôn T- xã L- huyện L- tỉnh Yên Bái, có mặt.

**Bị đơn:** Anh Hoàng Ngọc T 27 tuổi

Địa chỉ: Thôn T- xã L- huyện L- tỉnh Yên Bái, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện ngày 16-7-2019 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Hoàng Thị C trình bày: Chị và anh Hoàng Ngọc T kết hôn tháng 6 năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn lại tại UBND xã L- huyện L- tỉnh Yên Bái. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2017 sau khi chị sinh con thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong việc nuôi con từ đó dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Rất nhiều lần anh T đi uống rượu về đánh chị; tháng 6 năm 2019 chị đã bỏ về bên ngoại sinh sống. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị giải quyết cho ly hôn. Về con chung: Chị và anh T có hai cháu là Hoàng Minh Th và Hoàng Minh Á cùng sinh ngày 23-6-2017; khi ly hôn chị sẽ nuôi cả hai cháu và yêu cầu anh T

phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000 đồng/một cháu cho đến khi các cháu trưởng thành. Về tài sản chung và công nợ chung chị xác định không có.

Trong bản tự khai ngày 07-8-2019 và tại các phiên hòa giải bị đơn là anh Hoàng Ngọc T trình bày cơ bản như lời khai của chị C, theo anh mâu thuẫn vợ chồng là do chị C sinh hoạt bữa bộn, cách nuôi con không khoa học. Nay xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không nhất trí ly hôn. Về con chung, nếu ly hôn anh sẽ nuôi cả hai cháu và không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và công nợ chung anh cũng xác định không có.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tình cảm: Chị Hoàng Thị C và anh Hoàng Ngọc T kết hôn năm 2015, việc kết hôn này tuân thủ đúng những quy định của Luật Hôn nhân và gia đình do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại điều 19 luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*. Kết quả xác minh tại địa phương cơ bản phù hợp với lời khai của các đương sự cho thấy do nhiều nguyên nhân nên trong thời gian qua vợ chồng chị C- anh T không hạnh phúc, trong đó nguyên nhân chính là do quan điểm, tính cách, lối sống không hợp nhau. Hiện tại chị C đã bỏ về bên ngoại, hai người sống ly thân, mặc dù anh T và gia đình nhiều lần đến đón nhưng chị C không về. Quá trình giải quyết chị C khẳng định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết đề nghị giải quyết cho ly hôn. Tại phiên tòa anh T đồng ý ly hôn với điều kiện được nuôi cả hai con. Qua đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị C- anh T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị C có căn cứ chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị C và anh T có hai cháu là Hoàng Minh Th và Hoàng Minh Á cùng sinh ngày 23-6-2017. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hai bên không thỏa thuận được, cả chị C và anh T đều đề nghị được nuôi các cháu; chị C yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000 đồng/một cháu; anh T yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/một cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Theo khoản 2, khoản 3 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con...; Con dưới ba sáu tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi”*. Phải khẳng định nguyện vọng

nuôi con của các đương sự là hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên xét hoàn cảnh thực tế anh T chưa có nhà cửa và hiện tại đang ở nhờ nhà vợ chồng anh trai; gia đình anh trai thuộc diện hộ nghèo, có nhiều khó khăn. Mặt khác, tính đến ngày xét xử sơ thẩm, cháu Th và cháu Á mới được hơn hai tuổi; chị C hiện đang sống cùng bố mẹ đẻ, điều kiện kinh tế ổn định, do đó cần giao cả hai cháu cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 điều 82 Luật hôn nhân và gia đình thì “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”, như vậy yêu cầu của chị C về vấn đề này là chính đáng. Kết quả xác minh tại địa phương cho thấy công việc chủ yếu của anh T là làm ruộng nương, thu nhập bình quân chỉ khoảng 500.000 đồng/tháng, ngoài ra không có thu nhập nào khác. Mức cấp dưỡng 500.000 đồng/tháng theo yêu cầu của chị C là khá cao so với khả năng kinh tế hiện tại của anh T. Xét thấy nên chấp nhận một phần yêu cầu của chị C, buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 300.000 đồng/1 cháu kể từ tháng 10 năm 2019 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có quyền thăm nom con chung.

[3] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự xác định không có.

[4] Về án phí: Chị C phải chịu án phí ly hôn; anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 56; các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử cho chị C được ly hôn với anh T, giao cả hai con chung cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con...

*Vì các lẽ trên*

## QUYẾT ĐỊNH

1- Về tình cảm: Căn cứ khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Hoàng Thị C được ly hôn với anh Hoàng Ngọc T.

2- Về con chung: Căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điều 357 Bộ luật Dân sự; giao cả hai cháu là Hoàng Minh Th và Hoàng Minh Á cùng sinh ngày 23-6-2017 cho chị Hoàng Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Hoàng Ngọc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 300.000 đồng/một cháu kể từ tháng 10 năm 2019 cho đến khi cháu Thiện và cháu

Ân đủ 18 tuổi và có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

*Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.*

*Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 của bộ luật dân sự.*

3- Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chị Hoàng Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Xác nhận chị C đã nộp đủ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L- tỉnh Yên Bái theo biên lai số AA/2017/0004512 ngày 18-7-2019.

Anh Hoàng Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4- Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5- Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhân:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu HS-TA-THS.

**Phan Duy Đô**